

ĐẢNG ỦY CÔNG AN TRUNG ƯƠNG
ỦY BAN KIỂM TRA

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 3284 -CV/UBKT

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2022

V/v triển khai thực hiện Quy định về tiêu chuẩn
chức danh và bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc
chức danh Kiểm tra Đảng trong CAND

CÔNG AN TỈNH QUẢNG NGÃI

Số:.....

Ngày:.....

Chuyên:.....

Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi:

- Các đảng ủy trực thuộc Đảng ủy CATW
- Đảng ủy công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 12/12/2022, Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương ban hành Quy định số 06-QĐ/ĐUCA về tiêu chuẩn chức danh và bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân (sau đây gọi tắt là Quy định số 06). Quy định số 06 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/12/2022, thay thế Quyết định số 186-QĐ/ĐUCA, ngày 02/5/2018 của Ban Thường vụ Đảng ủy CATW ban hành Quy định tiêu chuẩn, chức danh và thẩm quyền bổ nhiệm chức danh kiểm tra viên trong các đảng bộ thuộc lực lượng CAND.

Căn cứ nhiệm vụ được giao, Thường trực Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy CATW đề nghị đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy công an các đơn vị, địa phương thống nhất thực hiện như sau:

1. Quán triệt, triển khai nghiêm túc Quy định số 06 (kèm theo).
2. Về việc chuyển đổi tên gọi các bậc chức danh:

Khoản 1, Điều 7 và khoản 2, Điều 14 Quy định số 06 quy định đối với chức danh Kiểm tra Đảng được chuyển đổi theo 03 bậc: Kiểm tra viên (chức danh bậc sơ cấp), Kiểm tra viên chính (chức danh bậc trung cấp), Kiểm tra viên cao cấp (chức danh bậc cao cấp). Theo đó, cán bộ được bổ nhiệm chức danh Kiểm tra Đảng trước ngày 12/12/2022 được chuyển đổi tên gọi chức danh như sau: Kiểm tra viên (tên cũ: Kiểm tra viên sơ cấp); Kiểm tra viên chính (tên cũ: Kiểm tra viên trung cấp); giữ nguyên tên gọi đối với chức danh Kiểm tra viên cao cấp. Việc chuyển đổi tên gọi chức danh hoàn thành trước tháng 6/2023, báo cáo về UBKT Đảng ủy CATW (qua X06).

3. Thống nhất thực hiện các biểu mẫu phục vụ công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc, chuyển đổi tên gọi chức danh Kiểm tra Đảng, gồm:

- **Mẫu số 1:** Tờ trình đề nghị bổ nhiệm/miễn nhiệm/hạ bậc chức danh
- **Mẫu số 2:** Danh sách trích ngang cán bộ
- **Mẫu số 3:** Phiếu biểu quyết về việc bổ nhiệm/miễn nhiệm/hạ bậc chức danh
- **Mẫu số 4:** Quyết định bổ nhiệm chức danh
- **Mẫu số 5:** Quyết định miễn nhiệm chức danh
- **Mẫu số 6:** Quyết định hạ bậc chức danh
- **Mẫu số 7:** Quyết định chuyển đổi tên gọi chức danh

(có biểu mẫu gửi kèm theo)

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị báo cáo, trao đổi với UBKT Đảng ủy CATW để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Đ/c Chủ nhiệm UBKT (để báo cáo),
- Các đ/c thành viên UBKT,
- Lưu UBKT, X06 (VT, P1).

T/M ỦY BAN KIỂM TRA
PHÓ CHỦ NHIỆM THƯỜNG TRỰC



Lê Minh Hà

ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI
ĐẢNG ỦY CÔNG AN

Số 591 -BS/ĐUCA

Kính gửi: - Các đ/c Ban Thường vụ ĐUCA tỉnh,
- Chi bộ Phòng PX06.

Ý kiến của Đ/c Trần Văn Mạnh - Phó Bí thư ĐUCA tỉnh: Giao Chi bộ Phòng PX06 chủ trì, tham mưu thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VPĐU.



T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHỖ VĂN PHÒNG
ĐẢNG ỦY
CÔNG AN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Lê Hải Anh

VP. ĐẢNG ỦY C. A TỈNH QUẢNG NGÃI	Số 06 - QĐ/ĐUCA
ĐẾN	Số:.....
	Ngày:.....
	Chuyên:.....

Số 06 - QĐ/ĐUCA

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2022

QUY ĐỊNH

về tiêu chuẩn chức danh và bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân

- Căn cứ Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng;
 - Căn cứ Quyết định số 505-QĐ/UBKTTW, ngày 14/4/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành Quy định tiêu chuẩn, chức danh và bổ nhiệm ngạch Kiểm tra Đảng; Công văn số 2209-CV/UBKTTW, ngày 05/9/2022 và Công văn số 2449-CV/UBKTTW, ngày 28/10/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương;
 - Căn cứ Quy chế làm việc của Đảng ủy Công an Trung ương;
 - Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương,
- Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương quy định về tiêu chuẩn chức danh và bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân, như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về bậc chức danh, tiêu chuẩn chức danh; nguyên tắc, trình tự, thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc chức danh và bố trí, sử dụng chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân.
2. Quy định này áp dụng đối với cấp ủy, ủy ban kiểm tra; cơ quan ủy ban kiểm tra; thành viên chuyên trách ủy ban kiểm tra, cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp trong Công an nhân dân (viết tắt là cán bộ Kiểm tra Đảng).

Điều 2. Nguyên tắc

1. Tiêu chuẩn chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân phải đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, cấp ủy Công an đơn vị, địa phương, bảo đảm quy định của Đảng, Nhà nước và tương quan với các chức danh khác của sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân.
2. Tiêu chuẩn chức danh Kiểm tra Đảng là căn cứ để tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc chức danh và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ Kiểm tra Đảng các cấp trong Công an nhân dân.
3. Việc đề nghị xem xét, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân phải căn cứ vào tiêu chuẩn, quy

trình, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc chức danh được quy định tại các văn bản của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và Quy định này:

a) Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức danh bậc nào thì có thẩm quyền miễn nhiệm, hạ bậc đối với chức danh đó.

b) Cán bộ được đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc chức danh phải được đa số thành phần lấy ý kiến biểu quyết đồng ý (trên 50% phiếu đồng ý).

c) Cán bộ còn dưới 02 năm (24 tháng) công tác đủ hạn tuổi phục vụ cao nhất được nghỉ công tác chờ hưởng chế độ hưu trí thì không xem xét bổ nhiệm chức danh bậc cao hơn.

d) Chưa xem xét bổ nhiệm chức danh hoặc bổ nhiệm chức danh bậc cao hơn nếu tại thời điểm đề nghị bổ nhiệm, cán bộ thuộc một trong các trường hợp:

- Có đơn tố cáo, khiếu nại đang xem xét giải quyết hoặc đang bị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

- Đang trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật hoặc chấp hành quyết định kỷ luật (kể cả về đảng, chính quyền, đoàn thể).

- Năm trước liền kề phân loại cán bộ mức “Không hoàn thành nhiệm vụ”.

4. Bố trí, sử dụng đúng, hiệu quả cán bộ Kiểm tra Đảng theo bậc chức danh được quy định tại Quy định này.

Điều 3. Các bậc chức danh và bố trí, sử dụng các bậc chức danh

1. Chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân có 03 bậc: Kiểm tra viên, Kiểm tra viên chính và Kiểm tra viên cao cấp.

2. Việc bố trí, sử dụng các bậc chức danh phải căn cứ tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đảng bộ trong Công an nhân dân; tiêu chuẩn cán bộ và nhu cầu sử dụng cán bộ theo chức danh, phù hợp với trình độ, năng lực chuyên môn, bảo đảm chế độ, chính sách của cán bộ đã được bổ nhiệm chức danh.

a) Chức danh Kiểm tra viên cao cấp được bố trí, sử dụng đối với:

- Phó Chủ nhiệm Thường trực, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên chuyên trách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương;

- Phó Chủ nhiệm Thường trực, Phó Chủ nhiệm, ủy viên chuyên trách ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng;

- Phó Chủ nhiệm, ủy viên chuyên trách ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp cơ sở trong Đảng bộ Công an Trung ương;

- Lãnh đạo phòng và tương đương thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương;

- Cán bộ chuyên trách làm công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương và cơ quan ủy ban kiểm tra các đảng ủy trực thuộc Đảng ủy Công an Trung ương (nơi thành lập cơ quan ủy ban kiểm tra).

b) Chức danh Kiểm tra viên chính và Kiểm tra viên được bố trí, sử dụng tại ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp trong Công an nhân dân.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH KIỂM TRA ĐẢNG

Điều 4. Tiêu chuẩn chung

1. Về chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, sức khỏe

a) Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Có tinh thần yêu nước, trung thành với Tổ quốc và Nhân dân Việt Nam, với Đảng Cộng sản Việt Nam, với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, quy định của Đảng, Nhà nước và của Bộ Công an; đảm bảo tiêu chuẩn chính trị theo quy định của Bộ Công an.

c) Phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, yêu ngành, yêu nghề, giữ gìn đoàn kết, thống nhất, không cơ hội; gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện nghiêm túc các quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị và cơ sở.

d) Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; không tham nhũng, tiêu cực và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực.

đ) Có phương pháp làm việc khoa học, tinh thần trách nhiệm, năng động, sáng tạo, tận tụy công tác, năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; có bản lĩnh vững vàng, thận trọng, công minh, khách quan trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; dũng cảm, kiên quyết bảo vệ cái đúng.

e) Có sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ.

2. Về năng lực, hiểu biết

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quan điểm chỉ đạo của ngành Công an.

b) Nắm vững các quy định về chuyên môn, nghiệp vụ theo chức trách, nhiệm vụ, địa bàn, lĩnh vực được phân công.

c) Có kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ và vận dụng các kiến thức để có phương pháp, biện pháp giải quyết những vấn đề về công tác được giao.

d) Có khả năng xây dựng hoặc tham gia xây dựng chương trình, kế hoạch, sơ kết, tổng kết, đề tài, đề án, văn bản quy định về công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện các mặt công tác được giao.

đ) Có kiến thức, hiểu biết về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; biết sử dụng tin học, ngoại ngữ phù hợp yêu cầu công tác.

3. Về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học Công an trở lên hoặc đại học ngành khác trở lên đã được bồi dưỡng nghiệp vụ Công an.

b) Có chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát.

Điều 5. Kiểm tra viên

1. Chức trách

Kiểm tra viên có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo địa bàn, chuyên đề hoặc đảm nhiệm những nhiệm vụ được giao khác phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

2. Nhiệm vụ

a) Đề xuất ý kiến về kế hoạch, biện pháp công tác; trực tiếp thực hiện phần việc được phân công; chịu trách nhiệm cá nhân trước ủy ban, thường trực ủy ban kiểm tra, lãnh đạo đơn vị về báo cáo, đề xuất của mình.

b) Tham gia soạn thảo các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng, của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp thuộc phần việc được phân công.

c) Theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ trong phần việc được phân công; đề xuất các biện pháp khắc phục.

d) Thực hiện các hoạt động nghiệp vụ, thu thập thông tin, thống kê, lưu trữ các tài liệu theo quy định; phân tích, đánh giá kết quả phần việc được phân công.

đ) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể liên quan đến phần việc được phân công.

e) Tham gia nghiên cứu đề tài, đề án cấp cơ sở; hoặc tài liệu, sách tham khảo, chuyên khảo; hoặc viết bài đăng báo, tạp chí về công tác kiểm tra, giám sát.

3. Tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được nội dung chủ yếu của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để vận dụng giải quyết công việc được phân công.

b) Nắm được nội dung cơ bản về quy trình, nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và phần việc nghiệp vụ được phân công; có kiến thức khoa học, công nghệ phổ thông liên quan. Hiểu biết cơ bản về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại của đất nước; tình hình xây dựng Đảng, đoàn thể, Nhà nước; tình hình quốc tế liên quan đến phần việc được phân công. Hiểu biết các thể thức văn bản của Đảng và văn bản hành chính của Nhà nước.

c) Hiểu được vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị mình công tác và các nguyên tắc tổ chức, hoạt động cơ bản của tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội.

d) Có khả năng tham gia xây dựng kế hoạch, phối hợp triển khai, chủ động tổ chức thực hiện công việc và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; khả năng nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất biện pháp giải quyết những vấn đề cụ thể.

4. Tiêu chuẩn về trình độ lý luận chính trị

Có trình độ sơ cấp lý luận chính trị trở lên hoặc tương đương; hoặc có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức tương đương trình độ sơ cấp lý luận chính trị trở lên.

Điều 6. Kiểm tra viên chính

1. Chức trách

Kiểm tra viên chính có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo địa bàn, theo chuyên đề hoặc đảm nhiệm những nhiệm vụ được giao khác phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

2. Nhiệm vụ

a) Chủ trì nghiên cứu, đề xuất chủ trương, kế hoạch, biện pháp, giải pháp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng; thực hiện nhiệm vụ do cấp ủy giao và các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng liên quan đến phần việc, lĩnh vực công tác được phân công; chịu trách nhiệm cá nhân trước ủy ban, thường trực ủy ban kiểm tra, lãnh đạo đơn vị về các báo cáo, đề xuất của mình.

b) Tham gia xây dựng và hướng dẫn thực hiện quy chế, quy định, quy trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng, của cấp ủy, ủy ban kiểm tra, quy chế, quy định của cơ quan, đơn vị liên quan đến phần việc, lĩnh vực công tác được phân công.

c) Tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với các địa bàn, lĩnh vực công tác được phân công.

d) Xây dựng, thực hiện kế hoạch nghiệp vụ, thu thập thông tin, thống kê, lưu trữ tài liệu; phân tích, đánh giá kết quả thực hiện công việc được phân công.

đ) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng đề tài, đề án cấp cơ sở hoặc tham gia nghiên cứu đề tài, đề án cấp tỉnh, thành; cấp ban, bộ, ngành Trung ương hoặc tham gia viết sách tham khảo, chuyên khảo.

e) Tham gia biên soạn từng phần hoặc chuyên đề, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát; hoặc tham gia hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Kiểm tra viên; hoặc viết bài đăng báo, tạp chí về công tác kiểm tra, giám sát.

3. Tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Điều lệ Đảng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để vận dụng giải quyết công việc đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

b) Có kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức pháp luật, hiểu rõ nguyên tắc tổ chức, hoạt động, quy chế làm việc, mối quan hệ công tác, tình hình xây dựng Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội; tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại của đất nước; tình hình quốc tế có liên quan đến lĩnh vực công tác được phân công.

c) Nắm chắc những nội dung cơ bản về quy trình, nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và phần nhiệm vụ nghiệp vụ được phân công; có kiến thức khoa học, công nghệ phổ thông liên quan. Nắm chắc các thể thức văn bản của Đảng và văn bản hành chính của Nhà nước.

d) Có kỹ năng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; chỉ đạo, tổ chức phối hợp triển khai công việc; khả năng tổng kết, đề xuất chủ trương, giải pháp đối với vấn đề mới nảy sinh. Có kinh nghiệm trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

đ) Có năng lực nghiên cứu, xây dựng đề tài, đề án cấp cơ sở hoặc tham gia nghiên cứu đề tài, đề án cấp tỉnh, thành phố; cấp ban, bộ, ngành Trung ương hoặc tham gia viết sách tham khảo, chuyên khảo, biên soạn tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm tra, giám sát.

4. Tiêu chuẩn về trình độ lý luận chính trị

Có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên hoặc tương đương; hoặc có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức tương đương trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.

5. Tiêu chuẩn về niên hạn, thi tuyển và một số điều kiện khác

a) Về niên hạn, cấp bậc hàm, cán bộ thuộc một trong các trường hợp:

- Có ít nhất 09 năm giữ chức danh Kiểm tra viên hoặc tương đương (bậc sơ cấp). Trường hợp có thời gian giữ ngạch tương đương thì phải có thời gian giữ bậc chức danh Kiểm tra viên tối thiểu 01 năm.

- Có cấp bậc hàm từ Đại úy trở lên.

b) Đã thực hiện hầu hết chức trách, nhiệm vụ của Kiểm tra viên (trừ các trường hợp quy định tại Điều 9 Quy định này); đã tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 02 văn bản quy định, quy chế, quy trình về kiểm tra, giám sát hoặc văn bản quy phạm pháp luật; hoặc đề tài, đề án, dự án, sách, tài liệu từ cấp cơ sở trở lên trong lĩnh vực công tác được nghiệm thu và áp dụng trong thực tiễn.

c) Có 03 năm liền kề trước năm bổ nhiệm chức danh Kiểm tra viên chính đạt mức xếp loại cán bộ từ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

Điều 7. Kiểm tra viên cao cấp

1. Chức trách

Kiểm tra viên cao cấp có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo địa bàn, chuyên đề hoặc đảm nhiệm những nhiệm vụ được giao khác phục vụ công tác kiểm tra, giám sát; chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức hoặc trực tiếp thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát có quy mô lớn, tình tiết phức tạp, có liên quan đến nhiều đơn vị, địa phương; chủ trì hoặc tham gia xây dựng các quy định, quy trình liên quan đến phần việc được phân công.

2. Nhiệm vụ

a) Chủ trì hoặc trực tiếp nghiên cứu, đề xuất chủ trương, kế hoạch, biện pháp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng; thực hiện nhiệm vụ do cấp ủy giao và các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng; quy chế, quy định của cơ quan liên quan đến phần việc, lĩnh vực công tác được phân công; chịu trách nhiệm cá nhân trước ủy ban, thường trực ủy ban kiểm tra, lãnh đạo đơn vị về các báo cáo, đề xuất của mình.

b) Chủ trì hoặc tham gia soạn thảo văn bản quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát theo chức trách, nhiệm vụ được giao; thẩm định các đề án thuộc lĩnh vực công tác được phân công. Đề xuất các phương án triển khai, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện.

c) Chủ trì hoặc tổ chức phối hợp, theo dõi, kiểm tra, phân tích đánh giá, báo cáo sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, quy định, quy chế về công tác kiểm tra, giám sát; phát hiện những điểm chưa phù hợp của những văn bản trên để đề xuất chủ trương, biện pháp sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp.

d) Chỉ đạo tổ chức xây dựng và thực hiện có kế hoạch các hoạt động nghiệp vụ; xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý tài liệu, hồ sơ theo quy định.

đ) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu các đề tài, đề án, sách cấp Nhà nước, cấp bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

e) Chủ trì hoặc trực tiếp tham gia biên soạn tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, tham gia giảng dạy các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; viết bài đăng báo, tạp chí về công tác kiểm tra, giám sát.

3. Tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Điều lệ Đảng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là những vấn đề có liên quan đến phần việc được phân công để vận dụng giải quyết công việc đảm bảo chất lượng, hiệu quả cao.

b) Nắm chắc kiến thức về ngành kiểm tra, các quy định, quy trình về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng; có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực công tác được phân công; có kiến thức rộng về khoa học công nghệ liên quan; nắm vững các thể thức văn bản của Đảng và văn bản hành chính của Nhà nước.

c) Nắm vững nguyên tắc tổ chức, hoạt động quy chế làm việc và mối quan hệ công tác, tình hình xây dựng Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội; tình hình công tác kiểm tra và những vấn đề của Nhà nước có liên quan.

d) Hiểu biết sâu rộng về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, đối ngoại của đất nước và tình hình quốc tế.

đ) Có khả năng thực hiện và chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ; nhiều kinh nghiệm trong nghiệp vụ kiểm tra, giám sát hoặc lĩnh vực công tác được phân công.

e) Có năng lực và kinh nghiệm thực tiễn trong tổ chức chỉ đạo, phối hợp; triển khai công việc trong phạm vi ngành hoặc nhiều ngành; năng lực tổng kết, phát hiện vấn đề mới nảy sinh, đề xuất chủ trương, giải pháp điều chỉnh ở tầm vĩ mô.

g) Có năng lực tổ chức, nghiên cứu, xây dựng và thẩm định các đề tài, đề án, sách, văn bản, công trình cấp bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực công tác được phân công.

4. Tiêu chuẩn về trình độ lý luận chính trị

Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc cử nhân chính trị hoặc cử nhân xây dựng đảng và chính quyền nhà nước trở lên; hoặc có giấy xác nhận (chứng nhận) trình độ lý luận chính trị tương đương cao cấp lý luận chính trị hoặc cử nhân chính trị của cơ quan có thẩm quyền.

5. Tiêu chuẩn về niên hạn, thi tuyển và một số điều kiện khác

a) Về niên hạn, cấp bậc hàm, cán bộ thuộc một trong các trường hợp:

- Có ít nhất 06 năm giữ chức danh Kiểm tra viên chính hoặc tương đương (bậc trung cấp). Trường hợp có thời gian giữ ngạch tương đương thì phải có thời gian giữ bậc chức danh Kiểm tra viên chính tối thiểu 01 năm.

- Có cấp bậc hàm từ Trung tá trở lên.

b) Đã trúng tuyển kỳ thi tuyển Kiểm tra viên cao cấp theo quy định của Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương.

c) Đã thực hiện hầu hết chức trách, nhiệm vụ của Kiểm tra viên chính (trừ các trường hợp quy định tại Điều 9 Quy định này); đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 02 văn bản quy định, quy chế, quy trình, nội dung về kiểm tra, giám sát hoặc văn bản quy phạm pháp luật; hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học, sách, tài liệu từ cấp cơ sở trở lên trong lĩnh vực công tác được nghiệm thu và áp dụng trong thực tiễn.

d) Có 03 năm liền kề trước năm bổ nhiệm chức danh Kiểm tra viên cao cấp đạt mức xếp loại cán bộ từ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên; đối với cán bộ không giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy hoặc tương đương, trong 03 năm này phải có ít nhất 01 năm đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” hoặc đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Chương III

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ BỔ NHIỆM CHỨC DANH KIỂM TRA ĐẢNG

Điều 8. Thẩm quyền bổ nhiệm chức danh

1. Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương xem xét, quyết định bổ nhiệm chức danh Kiểm tra viên cao cấp trong Công an nhân dân.

2. Ban Thường vụ đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng, Đảng ủy cơ sở trực thuộc Đảng ủy Công an Trung ương và Ban Thường vụ Đảng ủy Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Xem xét, quyết định bổ nhiệm chức danh Kiểm tra viên chính và Kiểm tra viên đối với cán bộ thuộc Công an đơn vị, địa phương mình.

3. Ủy ban kiểm tra các cấp trong Công an nhân dân có trách nhiệm thẩm định, tham mưu cấp ủy cùng cấp (hoặc Ban Thường vụ cấp ủy - theo thẩm quyền) xét, quyết định bổ nhiệm hoặc đề nghị bổ nhiệm các bậc chức danh Kiểm tra Đảng.

Điều 9. Bổ nhiệm chức danh đối với một số trường hợp đặc thù

1. Cán bộ khi được bầu làm ủy viên chuyên trách, phó chủ nhiệm chuyên trách ủy ban kiểm tra các cấp trong Công an nhân dân, nếu đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn của bậc chức danh nào theo Quy định này thì bổ nhiệm bậc chức danh đó, không phải lần lượt bổ nhiệm qua các bậc chức danh thấp hơn.

2. Cán bộ đã được bổ nhiệm vào các ngạch chức danh: Kiểm tra Đảng, Thanh tra viên, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán viên, Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Kiểm toán viên (trong ngành hoặc ngoài ngành Công an), khi được tuyển dụng, điều động công tác tại cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp trong Công an nhân dân thì được xem xét, quyết định bổ nhiệm bậc Kiểm tra Đảng tương ứng với bậc chức danh đang đảm nhiệm.

3. Cán bộ mới được tuyển dụng, điều động công tác tại cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp trong Công an nhân dân (trừ cán bộ có chức danh thuộc Khoản 1, Khoản 2 Điều này):

a) Cán bộ chưa có chức danh công tác trước khi tuyển dụng, điều động: Sau ít nhất 01 năm (12 tháng) làm công tác kiểm tra đảng, nếu đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn của bậc chức danh nào theo Quy định này thì bổ nhiệm bậc chức danh đó/

b) Cán bộ đã có chức danh công tác trước khi tuyển dụng, điều động: Sau ít nhất 01 năm (12 tháng) làm công tác kiểm tra đảng thì được xem xét, quyết định bổ nhiệm vào bậc Kiểm tra Đảng tương ứng với bậc chức danh đảm nhiệm trước khi tuyển dụng, điều động/

4. Đối với cán bộ thuộc các trường hợp đặc thù quy định tại Điều này: Sau khi bổ nhiệm chức danh Kiểm tra Đảng phải cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng (nghịệp vụ Công an, nghịệp vụ kiểm tra đảng, dự thi ngạch cao cấp...) để đảm bảo tiêu chuẩn chức danh Kiểm tra Đảng được bổ nhiệm.

Điều 10. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm

1. Việc rà soát, quyết định bổ nhiệm chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân được tiến hành định kỳ hai đợt trong năm:

Đợt một: Rà soát và hoàn thành việc bổ nhiệm trong tháng Ba.

Đợt hai: Rà soát và hoàn thành việc bổ nhiệm trong tháng Chín.

2. Rà soát, lập danh sách, thẩm định hồ sơ:

a) Ủy ban kiểm tra các cấp rà soát và lập danh sách, thẩm định hồ sơ đối với cán bộ thuộc diện xét bổ nhiệm chức danh Kiểm tra Đảng; báo cáo cấp ủy cùng cấp xem xét, quyết định hoặc đề nghị bổ nhiệm chức danh theo thẩm quyền.

b) Đối với nơi không thành lập cơ quan ủy ban kiểm tra, ủy ban kiểm tra chủ trì, phối hợp với cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ của cấp ủy cùng cấp đề rà soát, thẩm định, đề xuất.

3. Xem xét, quyết định:

Cấp đề nghị và cấp quyết định (theo thẩm quyền) tiến hành nhận xét, đánh giá đối với cán bộ trong danh sách; biểu quyết bằng phiếu kín trước khi quyết định bổ nhiệm hoặc đề nghị bổ nhiệm chức danh Kiểm tra Đảng.

Điều 11. Hồ sơ bổ nhiệm chức danh

1. Thành phần hồ sơ

a) Tờ trình đề nghị bổ nhiệm chức danh.

b) Danh sách trích ngang cán bộ.

c) Bản kiểm điểm kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ (có xác nhận của cấp ủy đơn vị nơi cán bộ đang công tác):

- Nếu là lần đầu bổ nhiệm chức danh Kiểm tra Đảng: Kiểm điểm cả quá trình công tác.

- Nếu là bổ nhiệm chức danh Kiểm tra Đảng bậc cao hơn: Kiểm điểm trong thời gian giữ bậc chức danh Kiểm tra Đảng đang đảm nhiệm.

d) Các tài liệu minh chứng về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh theo quy định tại Chương I và Chương II Quy định này.

đ) Biên bản họp, biên bản kiểm phiếu biểu quyết của cấp đề nghị và cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm chức danh.

e) Quyết định bổ nhiệm chức danh của cấp có thẩm quyền.

2. Trách nhiệm thẩm định, lưu trữ hồ sơ

a) Cấp ủy Công an đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương về kết quả thẩm định hồ sơ bổ nhiệm, đề nghị bổ nhiệm các chức danh Kiểm tra Đảng.

b) Hồ sơ bổ nhiệm, đề nghị bổ nhiệm các chức danh Kiểm tra Đảng được lưu trữ tại cơ quan tham mưu việc thẩm định, bổ nhiệm các chức danh Kiểm tra Đảng của Đảng bộ Công an đơn vị, địa phương.

3. Hồ sơ báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương (qua Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương) xem xét, quyết định bổ nhiệm chức danh Kiểm tra viên cao cấp, gồm: Tờ trình, danh sách trích ngang cán bộ.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ MIỄN NHIỆM, HẠ BẬC CHỨC DANH KIỂM TRA ĐẢNG

Điều 12. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm, hạ bậc chức danh

1. Đối với trường hợp đương nhiên miễn nhiệm chức danh (bị kỷ luật bằng hình thức Tước danh hiệu Công an nhân dân hoặc Khai trừ Đảng, chuyển công tác khác mà công việc sau khi chuyển không thuộc đối tượng bổ nhiệm chức danh Kiểm tra Đảng, chuyển ngành, nghỉ công tác chờ hưởng chế độ hưu trí, nghỉ hưu, xuất ngũ) cấp có thẩm quyền không phải ra quyết định miễn nhiệm chức danh.

2. Khi cán bộ không còn đảm bảo tiêu chuẩn chức danh đang đảm nhiệm theo Quy định này hoặc trình độ, năng lực không đáp ứng được vị trí chức danh đang đảm nhiệm hoặc bị kỷ luật (trừ kỷ luật bằng hình thức Tước danh hiệu Công an nhân dân hoặc Khai trừ Đảng) thì xem xét miễn nhiệm hoặc hạ bậc chức danh. Việc xem xét, quyết định miễn nhiệm, hạ bậc chức danh (trừ trường hợp cán bộ bị kỷ luật) được thực hiện sau 01 năm (12 tháng) tính từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành và cán bộ đã đảm nhiệm chức danh được bổ nhiệm 02 năm (24 tháng) trở lên.

Trình tự, thủ tục miễn nhiệm, hạ bậc chức danh: Thực hiện theo Điều 10 Quy định này.

3. Sau 01 năm (12 tháng) kể từ ngày cán bộ bị miễn nhiệm chức danh (trừ trường hợp đương nhiên miễn nhiệm) hoặc hạ bậc chức danh, nếu cán bộ đã hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh còn thiếu hoặc được nhận xét, đánh giá có đủ năng lực, trình độ để tiếp tục đảm nhận chức danh đã được bổ nhiệm trước khi bị miễn nhiệm, hạ bậc thì được xem xét bổ nhiệm chức danh đó. Tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm được thực hiện theo Quy định này. Thời hạn bổ nhiệm chức danh bậc tiếp theo được tính cả thời gian đảm nhiệm chức danh trước khi bị miễn nhiệm, hạ bậc.

Điều 13. Hồ sơ miễn nhiệm, hạ bậc chức danh

1. Thành phần hồ sơ

a) Tờ trình đề nghị miễn nhiệm, hạ bậc chức danh.

b) Danh sách trích ngang cán bộ.

c) Bản kiểm điểm kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ trong thời gian giữ chức danh đang đảm nhiệm (có xác nhận của cấp ủy đơn vị nơi cán bộ đang công tác).

d) Biên bản họp, biên bản kiểm phiếu biểu quyết của cấp đề nghị và cấp có thẩm quyền quyết định miễn nhiệm, hạ bậc chức danh.

đ) Quyết định miễn nhiệm, hạ bậc chức danh của cấp có thẩm quyền.

2. Trách nhiệm thẩm định, lưu trữ hồ sơ và báo cáo hồ sơ: Thực hiện theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 11 Quy định này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 186-QĐ/ĐUCA, ngày 02/5/2018 của Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương ban hành Quy định tiêu chuẩn, chức danh và thẩm quyền bổ nhiệm chức danh kiểm tra viên trong các đảng bộ thuộc lực lượng Công an nhân dân.

2. Cán bộ đã được bổ nhiệm chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân trước thời điểm Quy định này có hiệu lực được tiếp tục giữ nguyên bậc chức danh đã bổ nhiệm, không phải làm thủ tục bổ nhiệm lại. Cán bộ có chức danh Kiểm tra viên sơ cấp được chuyển đổi thành Kiểm tra viên; Kiểm tra viên trung cấp được chuyển đổi thành Kiểm tra viên chính. Cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm chức danh Kiểm tra Đảng (theo Quy định này) có trách nhiệm ra quyết định chuyển đổi tên gọi chức danh cho cán bộ đã được bổ nhiệm trước thời điểm Quy định này có hiệu lực.

3. Trong thời gian cán bộ chưa được bổ nhiệm ngạch chức danh Kiểm tra Đảng, khi có yêu cầu về điều kiện chức danh để thực hiện công tác cán bộ (quy

hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, nâng lương, thăng cấp bậc hàm...) thì căn cứ ngạch chức danh mà cán bộ đã được bổ nhiệm trước khi điều động làm công tác Kiểm tra Đảng để thực hiện công tác cán bộ.

4. Đối với quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm Kiểm tra viên cao cấp yêu cầu phải thi tuyển trước khi bổ nhiệm (theo quy định tại Điều b, Khoản 5, Điều 7 Quy định này) được áp dụng sau khi Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương ban hành quy chế, quy trình thực hiện thi tuyển ngạch chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân.

5. Cán bộ giữ chức danh Kiểm tra Đảng được hưởng chế độ, chính sách tương quan với cán bộ giữ các ngạch chức danh khác trong Công an nhân dân.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Đảng ủy, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Công an các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Quy định này để chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

2. Thường trực Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương xây dựng các biểu mẫu (danh sách trích ngang; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc, chuyển đổi tên gọi chức danh) để thống nhất thực hiện; chủ trì, phối hợp Cục Tổ chức cán bộ giúp Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương (qua Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương)./.

Nơi nhận:

- UBKT Trung ương (thay b/cáo),
- Các đồng chí trong Đảng ủy CATW,
- UBKT Đảng ủy CATW (để th/hiện),
- Cục Tổ chức cán bộ, BCA (để th/hiện),
- ĐU, UBKT các cấp trong CAND (để th/hiện),
- Lưu VPĐU, UBKT (X06-P1).



**ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI
ĐẢNG ỦY CÔNG AN**

Số 592 -BS/ĐUCA

Kinh gửi: - Các đ/c Ban Thường vụ ĐUCA tỉnh,
- Chi bộ Phòng PX06.

Ý kiến của Đ/c Trần Văn Mạnh - Phó Bí thư ĐUCA tỉnh: Giao Chi bộ Phòng PX06 chủ trì, tham mưu thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VPĐU.



Lê Hải Anh

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số TTr/....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị⁽¹⁾

Kính gửi:⁽²⁾

Căn cứ Quy định số 06 -QĐ/ĐUCA, ngày 12/12/2022 của Ban Thường vụ Đảng ủy CATW về tiêu chuẩn chức danh và bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân; xét yêu cầu công tác, điều kiện, tiêu chuẩn cán bộ,(cấp đề nghị).... xin báo cáo, đề xuất về việc⁽¹⁾....., như sau:

A - ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM CHỨC DANH KIỂM TRA ĐẢNG

I. Bổ nhiệm Kiểm tra viên cao cấp đối với đồng chí, gồm:

1. Đồng chí⁽³⁾ Sinh⁽⁴⁾

- (1) Quê quán (xã/huyện/tỉnh):.....
- (2) Ngày/tháng/năm vào Đảng:
- (3) Ngày/tháng/năm vào Công an:
- (4) Ngày/tháng/năm đảm nhiệm công tác Kiểm tra Đảng (chuyên trách):.....
- (5) Trình độ nghiệp vụ Công an:.....
- (6) Trình độ đào tạo ngoài Công an:
- (7) Trình độ lý luận chính trị:.....
- (8) Chứng chỉ, chứng nhận BDNV KTGS:
- (9) Cấp bậc hàm:.....
- (10) Chức vụ/chức danh (về Đảng và chính quyền):.....
- (11) Đơn vị công tác:.....
- (12) Chức danh nghiệp vụ (gần nhất):..... tháng/năm bổ nhiệm:.....
- (13) Kết quả xếp loại cán bộ (3 năm gần nhất):.....
- (14) Kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ (liên quan đến tiêu chuẩn bậc chức danh đề nghị bổ nhiệm):.....

⁽¹⁾: Bổ nhiệm/miễn nhiệm/hạ bậc chức danh Kiểm tra Đảng trong CAND (ghi các nội dung đề nghị)
⁽²⁾: Cấp có thẩm quyền xét duyệt
⁽³⁾: Họ và tên cán bộ
⁽⁴⁾: Chỉ cần ghi năm, riêng các đồng chí còn dưới 02 năm công tác thì ghi rõ tháng/năm sinh để đối chiếu

(15) Kết quả bỏ phiếu tại(cấp đề nghị)..... :

- Có .../.../... phiếu (tỷ lệ%) đồng ý đề nghị bổ nhiệm chức danh Kiểm tra viên cao cấp đối với đồng chí⁽³⁾

- Có .../.../... phiếu (tỷ lệ%) không đồng ý đề nghị bổ nhiệm chức danh Kiểm tra viên cao cấp đối với đồng chí⁽⁴⁾

(16) Nhận xét, đánh giá về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh:

Đ/c⁽³⁾ đảm bảo tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh Kiểm tra viên cao cấp.

2. Đồng chí.....

.....

II. Bổ nhiệm Kiểm tra viên chính đối với ... đồng chí, gồm:

1. Đồng chí

2. Đồng chí.....

.....(thực hiện tương tự Mục II).....

III. Bổ nhiệm Kiểm tra viên đối với ... đồng chí, gồm:

1. Đồng chí

.....(thực hiện tương tự Mục II).....

B. ĐỀ NGHỊ MIỄN NHIỆM CHỨC DANH KIỂM TRA ĐẢNG

1. Đồng chí

.....(các thông tin cán bộ thứ tự từ (1) đến (14) thực hiện tương tự Mục II).....

(15) Lý do đề nghị miễn nhiệm chức danh:.....

(16) Kết quả bỏ phiếu tại(cấp đề nghị)..... :

- Có .../.../... phiếu (tỷ lệ%) đồng ý đề nghị miễn nhiệm chức danh đối với đồng chí

- Có .../.../... phiếu (tỷ lệ%) không đồng ý đề nghị miễn nhiệm chức danh đối với đồng chí

(17) Đề xuất, kiến nghị:

.....(cấp đề nghị)..... đề nghị⁽²⁾..... xem xét, quyết định miễn nhiệm chức danh..... đối với đồng chí.....

2. Đồng chí.....

.....

C. ĐỀ NGHỊ HẠ BẬC CHỨC DANH KIỂM TRA ĐẢNG

1. Đồng chí

.....(các thông tin cán bộ thứ tự từ (1) đến (14) thực hiện tương tự Mục II).....

(15) Chức danh Kiểm tra Đảng đề nghị hạ bậc:.....

(16) Lý do đề nghị hạ chức danh:.....

(17) Kết quả bỏ phiếu tại(cấp đề nghị)..... :

- Có .../.../... phiếu (tỷ lệ%) đồng ý đề nghị hạ bậc từ chức danh..... xuống

chức danhđối với đồng chí.....
- Có .../.../... phiếu (tỷ lệ%) không đồng ý đề nghị hạ bậc từ chức danh.....
xuống chức danhđối với đồng chí.....

(18) Đề xuất, kiến nghị:

.....(*cấp đề nghị*)..... đề nghị⁽²⁾..... xem xét, quyết định hạ bậc từ chức
danh..... xuống chức danhđối với đồng chí.....

2. Đồng chí.....

Kính báo cáo...⁽²⁾.....xem xét, quyết định (*xin gửi kèm theo.....*)/.

Nơi nhận:

- Như trên,
-
- Lưu

T/M

.....

.....

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày.....tháng năm

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ

Đề nghị⁽¹⁾

(Kèm theo Tờ trình số-TTr/....., ngày.....tháng.....năm của (cấp đề nghị).....)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Cấp bậc hàm	Chức vụ/ chức danh (về đảng và chính quyền)	Đơn vị công tác	Chức danh nghịệp vụ đảm nhiệm (gắn nhất)	Chức danh đề nghị ... ⁽¹⁾	Kết luận về tiêu chuẩn ... ⁽²⁾
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

T/M.....

.....

Ghi chú:

(1): Bổ nhiệm/miễn nhiệm/hạ bậc chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân (ghi các nội dung đề nghị theo Tờ trình).

(2): Kết luận rõ: Đủ tiêu chuẩn; Thiếu tiêu chuẩn nào

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

.....

 *

....., ngày tháng năm

PHIẾU BIỂU QUYẾT
V/v(1)..... chức danh Kiểm tra Đảng trong CAND

Căn cứ Quy định số 06-QĐ/ĐUCA ngày 12/12/2022 của Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương về tiêu chuẩn chức danh và bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân; xét yêu cầu công tác và điều kiện, tiêu chuẩn cán bộ, đề nghị Đồng chí cho biết ý kiến của mình về việc(1)..... chức danh Kiểm tra Đảng trong CAND (hoặc(2).....) đối với:

TT	Họ và tên cán bộ	Ngày/tháng/năm sinh	Đơn vị công tác	Đồng ý	Không đồng ý
I. Đề nghị(1)..... chức danh Kiểm tra viên cao cấp(3)..... đối với:					
1.	Nguyễn Văn A				
II. Đề nghị(1)..... chức danh Kiểm tra viên chính(4)..... đối với:					
...	Nguyễn Văn B				
III. Đề nghị(5)..... chức danh Kiểm tra viên đối với:					
...	Nguyễn Văn C				

Ghi chú: Đồng chí “đồng ý” hay “không đồng ý” thì đánh dấu “X” vào cột tương ứng.

(1): bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc (chỉ ghi những nội dung liên quan)

(2): bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm hoặc hạ bậc (áp dụng khi có 01 nội dung, khi đó không có I, II, III... Ví dụ: bổ nhiệm chức danh Kiểm tra viên cao cấp; miễn nhiệm chức danh Kiểm tra viên chính; hạ bậc chức danh Kiểm tra viên cao cấp xuống chức danh Kiểm tra viên chính).

(3): xuống Kiểm tra viên chính hoặc Kiểm tra viên (áp dụng đối với nội dung hạ bậc)

(4): xuống Kiểm tra viên (áp dụng đối với nội dung hạ bậc)

(5): bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm.

* Biểu mẫu này có tính tham khảo, có thể điều chỉnh khi thực hiện để đảm bảo linh hoạt, phù hợp thực tiễn, đúng quy chế bầu cử trong đảng.

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

.....
.....

Số *
- QĐ/ĐU

....., ngàythángnăm

QUYẾT ĐỊNH

về việc bổ nhiệm chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân

- Căn cứ Quy định số 06 -QĐ/ĐUCA, ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương quy định về tiêu chuẩn chức danh và bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Đảng ủy (cấp quyết định), nhiệm kỳ.....;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy ... (cấp quyết định)..... tại Tờ trình số-TTr/UBKT, ngày thángnăm,

.....(cấp quyết định).....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Bổ nhiệm chức danh(1).....đối với đồng chí(2)....., sinh năm....., quê quán:....., cấp bậc hàm:....., chức vụ/chức danh:.....(3)....., đơn vị công tác:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy ..(cấp quyết định).....,(4)..... và đồng chí(2):..... thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3,
- UBKT ..(cấp trên)....(để b/cáo),
- *
- Lưu

T/M(cấp quyết định).....
BÍ THƯ (PHÓ BÍ THƯ)

Họ và tên người ký

Ghi chú:

- (1): Chức danh bổ nhiệm (Kiểm tra viên cao cấp, Kiểm tra viên chính, Kiểm tra viên).
- (2): Họ và tên cán bộ được bổ nhiệm chức danh.
- (3): Chức vụ, chức danh về đảng và chính quyền (nếu có).
- (4): Tên tổ chức đề nghị bổ nhiệm.

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

.....
.....

....., ngàythángnăm

*

Số - QĐ/ĐU

QUYẾT ĐỊNH

về việc miễn nhiệm chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân

- Căn cứ Quy định số 06-QĐ/ĐUCA, ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương quy định về tiêu chuẩn chức danh và bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Đảng ủy (cấp quyết định), nhiệm kỳ.....;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy (cấp quyết định)..... tại Tờ trình số-TTr/UBKT, ngày thángnăm,

.....(cấp quyết định).....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Miễn nhiệm chức danh(1).....đối với đồng chí(2)....., sinh năm....., quê quán:....., cấp bậc hàm:....., chức vụ/chức danh:.....(3)....., đơn vị công tác:do.....(4).....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ủy ban kiểm tra Đảng ủy (cấp quyết định),(5).....và đồng chí(2)..... thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3,
- UBKT ..(cấp trên)....(để b/cáo),
-
- Lưu

T/M(cấp quyết định).....
BÍ THƯ (PHÓ BÍ THƯ)

Họ và tên người ký

Ghi chú:

- (1): Chức danh miễn nhiệm (Kiểm tra viên cao cấp, Kiểm tra viên chính, Kiểm tra viên).
- (2): Họ và tên cán bộ miễn nhiệm chức danh.
- (3): Chức vụ, chức danh về đảng và chính quyền (nếu có).
- (4): Lý do miễn nhiệm chức danh.
- (5): Tên tổ chức đề nghị miễn nhiệm.

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

.....
.....

....., ngàythángnăm

*
Số - QĐ/ĐU

QUYẾT ĐỊNH
về việc hạ bậc chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân

- Căn cứ Quy định số 06-QĐ/ĐUCA, ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương quy định về tiêu chuẩn chức danh và bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Đảng ủy (cấp quyết định), nhiệm kỳ.....;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy (cấp quyết định)..... tại Tờ trình số-TTr/UBKT, ngày thángnăm,

.....(cấp quyết định).....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Hạ bậc từ chức danh(1)..... xuống chức danh.....(2)..... đối với đồng chí.....(3)....., sinh năm....., quê quán:....., cấp bậc hàm chức vụ/chức danh:.....(4)....., đơn vị công tác:do.....(5).....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ủy ban kiểm tra Đảng ủy (cấp quyết định),(6)..... và đồng chí(3)..... thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3,
- UBKT ..(cấp trên)....(đề b/cáo),
-
- Lưu

T/M(cấp quyết định).....
BÍ THƯ (PHÓ BÍ THƯ)

Họ và tên người ký

Ghi chú:

- (1): Chức danh đang đảm nhiệm.
- (2): Chức danh khi hạ bậc
- (3): Họ và tên cán bộ hạ bậc chức danh.
- (4): Chức vụ, chức danh về đảng và chính quyền (nếu có).
- (5): Lý do hạ bậc chức danh.
- (6): Tên tổ chức đề nghị hạ bậc chức danh.

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

.....
.....

....., ngàythángnăm

Số * - QĐ/ĐU

QUYẾT ĐỊNH
về việc chuyển đổi tên gọi chức danh Kiểm tra Đảng trong CAND

- Căn cứ Quy định số 06-QĐ/ĐUCA, ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương quy định về tiêu chuẩn chức danh và bổ nhiệm, miễn nhiệm, hạ bậc chức danh Kiểm tra Đảng trong Công an nhân dân;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Đảng ủy (cấp quyết định), nhiệm kỳ.....;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy (cấp quyết định)..... tại Tờ trình số-TTr/UBKT, ngày thángnăm,

.....(cấp quyết định).....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chuyển đổi tên gọi từ chức danh.....(1)....thành chức danh(2)... đối với đồng chí.....(3)...., sinh năm....., quê quán:, cấp bậc hàm:....., chức vụ/chức danh:(4)....., đơn vị công tác:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ủy ban kiểm tra Đảng ủy (cấp quyết định),(5)..... và đồng chí(3)..... thi hành Quyết định này./.

Nơi nhân :

- Như Điều 3,
- UBKT ..(cấp trên)....(đề b/cáo),
-
- Lưu

T/M(cấp quyết định).....
BÍ THƯ (PHÓ BÍ THƯ)

Họ và tên người ký

Ghi chú:

- (1): Chức danh trước khi chuyển đổi.
- (2): Chức danh sau khi chuyển đổi.
- (3): Họ và tên cán bộ được chuyển đổi chức danh.
- (4): Chức vụ/chức danh về đảng và chính quyền (nếu có).
- (5): Tên tổ chức đề nghị chuyển đổi tên gọi chức danh.
- Quyết định chuyển đổi tên gọi chỉ thực hiện một chức danh (Kiểm tra viên hoặc Kiểm tra viên chính) và đối với một hoặc nhiều cán bộ.

